TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁT XÁT – TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2019/HNGĐ - ST
Ngày 26/9/2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Hồng.

2. Bà Hoàng Thị Sen

Thư ký phiên toà: Ông Lê Quý Sửu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bát Xát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát. Toà án nhân dân huyện Bát Xát mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 78/TLST - HNGĐ ngày 13/6/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐST - HNGĐ ngày 19/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐ - HPT ngày 04/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Mạnh C- Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Chiến Thắng, xã Đồng Thịnh, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Sìn Thị N- Sinh năm 1985.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

Vắng mặt tại phiên tòa (Đã bị Toà án tuyên bố là mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Trần Mạnh Ctrình bày: Năm 2004 anh kết hôn với chị Sìn Thị N, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống tại thôn T, xã B, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã B. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cùng bảo ban nhau làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái và không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến tháng 02/2016 chị N đi làm thuê ở Trung Quốc, sau khi chị N bỏ đi được một thời gian ngắn anh không liên lạc được với chị,

anh đã đi tìm kiếm và hỏi thăm nhiều nơi về tin tức của chị, anh em họ hàng cũng không có tin tức và nơi ở của chị, anh đã tìm và gặp gỡ bố mẹ, anh em gia đình bên vợ để hỏi tin tức, địa chỉ, chỗ ở hiện tại của chị N nhưng không thể tìm được nơi ở của chị N. Từ đó đến nay chị N không về gia đình, anh cũng không có tin tức gì về địa chỉ, chỗ ở của chị N, đến nay thời gian không có tin tức của chị N đã kéo dài anh đã đi tìm nhiều nơi nhưng không có kết quả. Anh đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố chị Sìn Thị N mất tích. Ngày 30/11/2018 Tòa án đã ra quyết định số 04/2018/QĐST - VDS tuyên bố chị Sìn Thị Nmất tích.

Từ khi có quyết định của Tòa án đến nay chị N cũng không về nhà, anh cũng không có tin tức gì của chị N. Nay thời gian chị N bỏ nhà đi đã kéo dài, để ổn định cuộc sống sinh hoạt gia đình và của các con, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát giải quyết cho anh được ly hôn với chị Sìn Thị N.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 03 người con chung là Trần Đức Mạnh - Sinh ngày 22/7/2001, Trần Đức Hạnh Sinh ngày 16/5/2008 và Trần Đức Tâm - Sinh ngày 16/5/2008, nguyện vọng của anh sau khi ly hôn được nuôi dưỡng cháu Mạnh, Hạnh, Tâm.

Về tài sản: Anh, chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Sìn Thị N: Đã bị Toà án nhân dân huyện Bát Xát tuyên bố là mất tích. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các giấy tờ tố tụng của Toà án, chị N vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy Toà án nhân dân huyện Bát Xát tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân, đề nghị Toà án xét xử cho anh được ly hôn với chị Sìn Thị N.

Về con chung: Tại thời điểm xét xử, cháu Trần Đức Mạnh đã đủ 18 tuổi cháu đã đi làm có thể tự lo cho bản thân nên anh C không đề nghị giao nuôi cháu Mạnh mà chỉ đề nghị được nuôi dưỡng 2 cháu Hạnh và Tâm cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng đoií với 2 cháu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã đảm bảo đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự (Vắng mặt không có lý do)

Căn cứ khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Mạnh C.

-Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố anh Trần Mạnh Cvà chị Sìn Thị Nly hôn.

-Về con chung: Giao cháu Trần Đức Hạnh Sinh ngày 16/5/2008 và Trần Đức Tâm - Sinh ngày 16/5/2008 cho anh Trần Mạnh Ctiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Sìn Thị Nkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về án phí: Đề nghị HĐXX tuyên án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Trần Mạnh Ccó đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát giải quyết việc ly hôn, giao nuôi con chung của anh và chị N. Chị N có hộ khẩu thường trú tại xã Bản Qua, huyện Bát Xát theo quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát. Chị Sìn Thị Nđã bị Toà án tuyên bố là mất tích.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các giấy tờ tố tụng của Toà án, chị N vắng mặt tại phiên toà vì vậy Toà án nhân dân huyện Bát Xát tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Mạnh Cvà chị Sìn Thị Nkết hôn với nhau vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Vì vậy hôn nhân giữa anh Trần Mạnh Cvà chị Sìn Thị Nlà hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Mạnh Cthì thấy rằng: Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến tháng 02/2016 chị N bỏ nhà đi khỏi địa phương không để lại địa chỉ, không có thông tin gì về nơi cư trú của chị N.

Ngày 30/11/2018 Tòa án đã ra quyết định số 04/2018/QĐST - VDS tuyên bố chị Sìn Thị Nmất tích. Như vậy tình cảm giữa anh C và chị N không còn do chị N đã bỏ nhà đi. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Mạnh Clà có căn cứ cần được chấp nhận. Việc xử cho anh Trần Mạnh Cđược ly hôn chị Sìn Thị Nlà phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Trần Mạnh Cvà chị Sìn Thị Ncó 03 người con chung là Trần Đức Mạnh - Sinh ngày 22/7/2001, Trần Đức Hạnh - Sinh ngày 16/5/2008 và Trần Đức Tâm - Sinh ngày 16/5/2008. Nguyện vọng của cháu Trần Đức Mạnh, Trần Đức Hạnh và Trần Đức Tâm khi bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng được ở với bố là Trần Mạnh C. Tại phiên tòa anh C đề nghị hiện nay cháu Trần Đức Mạnh - Sinh ngày 22/7/2001 đã đủ 18 tuổi anh không yêu cầu giải quyết việc giao nuôi cháu Mạnh mà chỉ đề nghị Tòa án giao cháu Hạnh và cháu Tâm cho anh tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy yêu cầu của anh Trần Mạnh Clà phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Về tài sản chung: Anh C xác định vợ chồng anh không có tài sản chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, anh Trần Mạnh Cphải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Mạnh Cđược ly hôn chị Sìn Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đức Hạnh - Sinh ngày 16/5/2008 và Trần Đức Tâm - Sinh ngày 16/5/2008 cho anh Trần Mạnh C tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Sìn Thị Nkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung anh C cùng các thành viên gia đình không được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Mạnh Cphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0003240 ngày 13/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bát Xát. Anh Trần Mạnh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Mạnh Cđược quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Sìn Thị Nđược quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Sen **Dương Văn Hồng** **Phạm Thị Thanh Hương**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh*
- *VKSND tỉnh, huyện 2*
- *UBND xã Bản Qua*
- *Các đương sự*
- *T.H.A 3*
- *Lưu*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh Hương